

**Danh mục gói thầu: Mua sắm vật tư y tế tiêu hao cho tim mạch can thiệp**  
(Kèm theo Công văn số 1229 /YCBG-BVBT ngày 26 tháng 5 năm 2026)

Phụ lục 01

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
1	Áo choàng phẫu thuật	<p>Áo choàng phẫu thuật bao gồm các thành phần chính: áo choàng phẫu thuật và khăn thấm.</p> <p>01 áo choàng phẫu thuật kích thước: từ (120 x 150) cm (dài x rộng), vùng tăng cường: 40 x 60 cm.</p> <p>Áo choàng phẫu thuật tiêu chuẩn, thiết kế tổng thể làm từ vật liệu SMS tính kháng thấm ngăn ngừa tích tụ vi khuẩn, có vùng tăng cường ở giữa làm từ vật liệu PE cán lớp SS độ thấm hút cao, giúp thấm hút tốt mồ hôi, tạo cảm giác thông thoáng thoải mái khi mặc đồng thời tăng cường ngăn cản dịch, máu thấm qua tại vị trí dễ tiếp xúc nhất, cổ tay bằng vải thun mềm mại chắc chắn giúp người mặc vận động thoải mái.</p> <p>02 khăn thấm (40 x 40 cm) làm từ vật liệu spunlace có độ thấm hút cao, sử dụng trong trường hợp cần thấm hút nhanh dịch tiết, máu hay các loại chất lỏng khác.</p> <p>Tiệt trùng: Ethylene Oxide. Tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016 và GMP-FDA</p>	cái	800
2	Áo phẫu thuật các cỡ	<p>Làm từ vải không dệt 6 lớp SMMMMS 47gsm không thấm cồn, không thấm nước, chống tĩnh điện gồm: 2 x Khăn thấm 30x40cm, 1 x Áo phẫu thuật L và 1 x Vải gói 60x60cm. Tiệt trùng bằng khí EO.</p> <p>- Sản phẩm có giấy phép lưu hành, ISO13485:2016 (TCVN ISO 13485:2017), CE. Tiệt trùng EO.</p>	cái	800
3	Băng đóng lòng mạch quay	<p>Băng đóng lòng mạch quay, phần thân trong suốt, chiều dài có thể thay đổi từ 18cm, 22cm, 26cm, đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016; EN ISO 9001:2015; GMP-FDA</p>	cái	50
4	Bộ dụng cụ bơm bóng áp lực cao	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Dung tích 20 ml. Áp lực tối đa <math>\geq 30</math> atm</li> <li>* Vật liệu làm bằng Polycarbonate.</li> <li>* Phụ kiện kèm theo: Van cầm máu, dụng cụ Insertion, torque, khóa 3 ngã.</li> <li>* Bơm bóng áp lực cao có đính sẵn dây dài <math>\geq 200</math> mm.</li> <li>* Xuất xứ các nước G7 hoặc Châu Âu.</li> <li>* Tiêu chuẩn CE( Châu Âu) hoặc FDA( Mỹ).</li> </ul>	cái	500

5	Bộ dụng cụ hút huyết khối	<p>Một bộ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* 1 ống thông (catheter) hút huyết khối:</li> <li>+ Đường kính 6F hoặc 7F.</li> <li>+ Chiều dài <math>\geq 145</math> cm.</li> <li>+ Lớp phủ ái nước ở phần xa của ống thông <math>\geq 25</math> cm.</li> <li>* 1 dây thăm dò cứng.</li> <li>* 1 ống tiêm hút 60ml.</li> <li>* 2 giỏ lọc.</li> <li>* 1 dây nối van khóa vòi 1 hướng.</li> <li>* Dây thăm dò dài <math>\geq 125</math> cm.</li> <li>* Xuất xứ các nước G7 hoặc Châu Âu.</li> <li>* Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA).</li> </ul>	cái	30
6	Bộ dụng cụ hút huyết khối	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Thiết kế đầu Tip hai đầu.</li> <li>* Lớp bên trong bằng PTFE .</li> <li>* Lớp phủ durable Hydrophilic.</li> <li>* * Rapid exchange length: = 17.5 cm.</li> <li>* Lưu lượng hút lớn 6F = 0.99 mm<sup>2</sup> - 7F = 1.39mm<sup>2</sup>.</li> <li>* Có 2 RO marker đầu tip.</li> </ul>	cái	30
7	Bộ dụng cụ mở đường động mạch quay	<p>Dụng cụ mở đường quay: 4F, 5F, 6F</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu polyethylene</li> <li>- Có valve ngăn chặn máu rò rỉ</li> <li>- Kích cỡ 4F, 5F, 6F; chiều dài 7 cm hoặc 11 cm (tùy mã các sản phẩm)</li> <li>- Có Guidewire kèm theo bằng thép không gỉ, có đầu cong hình J, đường kính 0.018", chiều dài từ 40cm</li> <li>- Có kèm theo kim chọc mạch 21Gx4cm, có khóa 3 ngã</li> <li>- Có Rotating Suture Ring xoay quanh thiết bị bề mặt nhẵn, độ mở lớn.</li> </ul> <p>Đạt tiêu chuẩn FDA.</p>	cái	100
8	Bộ kết nối (Manifold)	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Chất liệu Poly Carbonate.</li> <li>* Đường kính trong 2,3mm - 2,4 mm.</li> <li>* Có khóa xoay và đầu xoay đuôi khí.</li> <li>* Có 3 cổng.</li> <li>* Chịu áp lực từ 200 - 500 PSI.</li> <li>* Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA).</li> </ul>	cái	600

9	Bộ khăn chụp mạch vành	Làm từ vải không dệt 6 lớp SMMMMS 47gsm không thấm côn, không thấm nước, chống tĩnh điện gồm: 4 x Khăn thấm 30x40cm 1 x Khăn phủ bàn dụng cụ vô trùng 150x180cm (Tấm nylon trong) 1 x Tấm phủ chắn chì 140x150cm 1 x Bao kính chắn chì, có thun 75x100cm 1 x Bao chụp đầu đèn phi 65cm 1 x Khăn lót 50x60cm 1 x Bao đựng Remote 1 x Khăn chụp mạch vành 3 lỗ 240x390cm 1 x Khăn trải bàn dụng cụ 200x260cm Sản phẩm có giấy phép lưu hành, được sản xuất theo tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485, CE, EN 13795-1:2019. Tiệt trùng EO.	cái	300
10	Bộ khăn chụp mạch vành 3 lỗ	Bộ săng (khăn) chụp mạch vành 3 lỗ gồm: - Săng chụp mạch vành SM/ PE/ SPP, kích thước: 370 x 220 cm: 01 cái. - Tấm phủ đa dụng PE kích thước: 150 x 140 cm: 01 cái. - Khăn trải bàn dụng cụ PE / SPP, kích thước 200 x 140 cm: 01 cái. - Bao chụp đầu đèn PE 01 cái. - Bao kính chắn chì PE, kích thước 90 x 75 cm: 01 cái. - Bao đựng Remote PE, kích thước 26 x 10 cm: 01 cái. - Khăn thấm vải không dệt, kích thước 40 x 40 cm: 04 cái. - Tấm phủ chắn chì PE kích thước 150 x 140 cm: 01 cái. - Đóng gói bằng túi tyvek, Độ bền mỗi hàn bao gói: $\geq 1,2 \text{ N} / 15 \text{ mm}$ - Chứng nhận: ISO; GMP- FDA - Tiệt trùng: Ethylene oxide (EO) với tồn dư EO: $\leq 4 \text{ mg} / \text{sản phẩm}$	cái	600
11	Bộ manifold 3 cổng	* Bộ manifold bao gồm: manifold 3 cổng có màu, dây theo dõi áp lực, dây truyền dịch, dây truyền thuốc cân quang. * Manifold chất liệu polycarbonate, có van 1 chiều ở cổng bơm thuốc cân quang nhằm hạn chế bọt khí và sự lây nhiễm chéo.	cái	200
12	Bơm tiêm đầu xoắn 10ml	Bơm tiêm 10ml. Đạt tiêu chuẩn : Đạt tiêu chuẩn FDA/CE/ISO - Bơm tiêm có đầu luer lock dùng trong can thiệp mạch máu	cái	600
13	Bơm tiêm 10 ml vật liệu làm bằng nhựa polycarbonate có đầu xoáy (luer)	Bơm tiêm 10ml - Bơm tiêm có đầu luer lock dùng trong can thiệp mạch máu - Vật liệu làm bằng Polycarbonate chịu áp lực tốt dễ dàng nhận thấy dòng chảy và bọt khí bên trong - Có đầu xoáy luer loại Fixed Male hoặc Slip Đạt tiêu chuẩn FDA.	cái	600

14	Bóng nong ngược dòng động mạch chủ, bóng tách rời, bóng chẹn các loại, các cỡ	<p>Hệ thống dây dẫn kép nong bóng tập trung lực hiệu quả.          Chất liệu bóng: Nylon          Số nếp gấp bóng: <math>\geq 3</math>          Lớp phủ: ải nước ở đoạn xa và đầu tip          Đường kính thân bóng (crossing profile): 0.034 inch          Chiều dài đầu tip: 10 mm          Đường kính bóng: 1.75 - 4 mm.          Chiều dài: 10, 15, 20 mm.          Áp lực thường: 12 atm. Áp lực vỡ bóng: 20 atm.          *Tiêu chuẩn chất lượng: ISO / CE / FDA</p>	cái	20
15	Bóng nong động mạch vành	<p>* Bóng nong mạch vành bán đàn hồi.          *Đường kính từ 1.2mm - 5.0mm,          *Chiều dài từ 10mm - 48mm.          *Hai điểm đánh dấu cân quang bằng Platinum Iridium          * Entry profile: <math>&lt;0.02</math>".          * Crossing profile: 0.024".          * Thời gian xả bóng trung bình <math>&lt;3s</math>.          * Lớp phủ ưa nước durable hydrophilic coating giúp đi qua tổn thương dễ hơn và không gây tổn thương thành mạch (có tài liệu chứng minh)          Đạt tiêu chuẩn ISO/FDA/CE</p>	cái	200
16	Bóng nong động mạch vành không đàn hồi	<p>- Bóng có cấu trúc 3 lớp: lớp giữa là polyamide, lớp trong và lớp ngoài là elastomer          - Vai bóng ngắn 3.0mm, dễ thực hiện kỹ thuật POT          - Áp lực định mức: 12atm - 22atm          - Entry profile <math>&lt; 0.44mm</math>          - Lớp phủ ải nước Hydrophilic          Kích thước:          - Đường kính 2.0mm - 5.0mm.          - Chiều dài 5 - 30mm</p>	cái	400
17	Bóng nong động mạch vành phủ thuốc	<p>- Bóng nong mạch vành bán đàn hồi chất liệu Polymer bán đàn hồi chuyên dụng.          - Phủ thuốc Biolimus A9          - Đường kính bóng: <math>\geq 2.00mm</math>          - Đường kính thân đoạn xa: <math>&lt;2.6F</math>, đoạn gần: <math>&lt;2.2F</math>.          - Áp lực định danh: <math>\geq 6 atm</math>.          - Áp lực tối đa: <math>\geq 16 atm (2.00-3.00mm)</math>, <math>\geq 14 atm (3.50-4.00mm)</math>.          - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương FDA</p>	Cái	10

18	Bóng nong mạch vành áp lực cao, sử dụng cho những tổn thương khó	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Bóng áp lực cao: RBP (áp lực vỡ bóng) = 20 atm.</li> <li>* Đường kính từ 2.0mm đến 5.0mm, chiều dài từ 6.0mm đến 30mm.</li> <li>* Vật liệu làm bóng Nylon Blend, thành bóng mỏng. Thời gian xả bóng trung bình = 3s.</li> <li>* Đầu Ultra-low tip profile = 0.016" , có lớp phủ lớp ưa nước durable hydrophilic coating.</li> <li>* Điểm đánh dấu: hai marker metallic Platinum Iridium .</li> <li>*Tiêu chuẩn ISO/CE</li> </ul>	cái	200
19	Bóng nong mạch vành áp lực thường công nghệ 2 lớp phủ Hydrophilic	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2 lớp phủ Hydrophilic bên ngoài và bên trong. Bóng chất liệu Property pebax 2 nếp gấp (đường kính # 1.0mm)</li> <li>Tip profile <math>\leq 0.017</math></li> <li>Tương thích ống thông 6F cho kỹ thuật Kissing balloon.</li> <li>Đường kính: <math>\geq 1.0</math> mm, <math>\leq 4.0</math>mm.</li> <li>Áp lực thường: <math>\geq 6</math> atm; Áp lực vỡ bóng <math>\geq 14</math>atm</li> <li>Tiêu chuẩn ISO, CE</li> <li>Nhóm nước sản xuất: Châu Âu</li> </ul>	Cái	50
20	Bóng nong mạch vành có phủ thuốc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bóng nong mạch vành bán đàn hồi chất liệu Pebax.</li> <li>- Phủ thuốc Biolimus A9 với hàm lượng <math>3\mu\text{g}/\text{mm}^2</math>, chất mang Poly(ethylene oxide)</li> <li>- Đường kính bóng: 2.00mm - 4.00mm (dài 15- 45mm).</li> <li>- Đường kính thân đoạn xa: 2.6F, đoạn gần: 2.1F.</li> <li>- Áp lực định danh: 6 atm.</li> <li>- Áp lực tối đa: 16 atm (2.00-3.00mm), 14 atm (3.50-4.00mm).</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc ISO 13485</li> </ul>	Cái	15
21	Bóng nong mạch vành đàn hồi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polyamide.</li> <li>- Entry profile: <math>&lt; 0.42</math>mm. Đầu tip làm bằng vật liệu Elastomer</li> <li>- Crossing Profile: 0.58mm</li> <li>- Đoạn xa được phủ lớp ái nước</li> <li>-Đoạn kết nối giữa bóng và đầu tip (bonding part) chỉ 0.4mm.</li> <li>-Điểm đánh dấu cân quang dài 0.8mm và dày <math>25\mu\text{m}</math></li> <li>Kích thước bóng: Đường kính: 1.0mm - 4.0mm. Chiều dài 5mm - 40mm</li> </ul>	cái	400
22	Bóng nong mạch vành đàn hồi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Polyamide</li> <li>- Tráng phủ Hydrophilic thế hệ mới → Giúp bóng di chuyển dễ dàng qua những tổn thương phức tạp, đặc biệt trong CTO.</li> <li>- Khẩu kính đầu xa (entry profile) <math>&lt; 0.42</math>mm</li> <li>- Khẩu kính bóng (crossing profile): 0.63mm</li> <li>- Đường kính: 1.2 - 3.5mm, chiều dài 10 -30 mm</li> </ul>	cái	200

23	Bóng nong mạch vành không đàn hồi	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Khẩu kính đầu xa <math>\leq 0.41</math> mm.</li> <li>* Chất liệu: Polyamide có phủ lớp phủ ái nước..</li> <li>* Đường kính bóng: 2.0 - 5.0 mm; Chiều dài bóng: 6 - 25 mm.</li> <li>* Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA).</li> </ul>	cái	100
24	Bóng nong mạch vành phủ thuốc	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Bóng phủ thuốc Paclitaxel bằng công nghệ giúp giảm thất thoát trong quá trình thao tác và phân bố thuốc đồng đều theo chiều dọc bóng,</li> <li>* Lớp phủ ưa nước HYDRAX giúp hỗ trợ điều hướng tốt, qua sang thương dễ dàng</li> <li>* Đường kính từ 1.5mm - 4.5mm, chiều dài từ 10mm - 44mm.</li> <li>* Áp lực định danh: 6atm. Áp lực vỡ định mức: 16atm.</li> <li>* Hai điểm đánh dấu cân quang bằng Platinum Iridium</li> <li>đạt tiêu chuẩn CE/FDA</li> </ul>	cái	50
25	Bóng nong mạch vành siêu áp lực	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dùng trong các trường hợp nong lại tổn thương bị vô hóa nặng, RBP 35 atm. Cấu trúc bóng kép (2 lớp) có độ đàn hồi tuyến tính, 2 marker Platinum.</li> <li>Khẩu kính đầu vào sang thương 0.016".</li> <li>Khẩu kính băng qua sang thương 0.028".</li> <li>Tương thích ống thông can thiệp tối thiểu 6F và 7F</li> </ul>	cái	10
26	Buồng nhỏ giọt (dome) vô khuẩn		cái	100
27	Đầu nối Male/male connector	Đầu nối Male/male luerlock connector. - Chất liệu: Polycarbonate. - Đầu nối linh hoạt chống xoắn dây khi nối.	cái	100
28	Dây dẫn can thiệp mạch vành	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Đường kính: 0,014 inch (0,36mm).</li> <li>* Chiều dài dây dẫn <math>\leq 200</math> cm. Chiều dài phần đầu cân quang: 3 cm.</li> <li>* Vật liệu phần lõi: ELASTINITE</li> <li>* Độ cứng đầu dây dẫn (Tipload) <math>\leq 1</math> g.</li> <li>* Xuất xứ các nước G7 hoặc Châu Âu.</li> <li>* Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA).</li> </ul>	cái	100

29	Dây dẫn can thiệp mạch vành	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Đường kính: 0,014 inch (0,36mm).</li> <li>* Chiều dài dây ≤ 200 cm. Chiều dài phần đầu cân quang: 3 cm.</li> <li>* Phần lõi: Nickel - Titanium. Đoạn đầu của lớp cuộn: hợp kim bạch kim (Platinum). Đoạn sau của lớp cuộn : thép không gỉ ( stainless).</li> <li>* Độ cứng đầu dây dẫn (Tipload) ≤ 1 g.</li> <li>* Xuất xứ các nước G7 hoặc Châu Âu.</li> <li>* Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA).</li> </ul>	cái	500
30	Dây dẫn can thiệp mạch vành	<ul style="list-style-type: none"> <li>Lõi phủ lớp Full Polymer và lớp ái nước hydrophilic</li> <li>Lõi hình parabol không điểm chuyển tiếp RESPONSEASE</li> <li>Thiết kế đầu tip: Core-to-Tip</li> <li>Chiều dài dây dẫn: 190 cm, Tip load: 1.5 g</li> <li>Lõi Radiopaque dài 3cm</li> <li>Có điểm đánh dấu Gold Maker cách đầu tip 4.5cm.</li> <li>Đạt tiêu chuẩn FDA.</li> </ul>	cái	20
31	Dây dẫn chẩn đoán mạch vành phủ lớp ái nước, dài 150cm	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cấu tạo:</li> <li>- Lõi là hợp kim Nitinol siêu đàn hồi.</li> <li>- Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cân quang bằng lớp Tungsten.</li> <li>- Lớp phủ ái nước hydrophilic</li> <li>Hình dạng đầu tip: đầu thẳng, đầu cong hoặc hình chữ J (Straight, Angled, J-Curve)</li> <li>Kích thước:</li> <li>- Chiều dài dây dẫn: 150 cm</li> <li>- Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm</li> <li>- Đường kính: 0.025", 0.035", 0.038"</li> </ul>	cái	400
32	Dây dẫn chẩn đoán mạch vành lõi thép không gỉ với công nghệ phủ PTFE dài 150 cm và 260 cm.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dây dẫn chẩn đoán</li> <li>- Lõi làm bằng thép không gỉ dùng trong thủ thuật chẩn đoán.</li> <li>- Công nghệ phủ PTFE (pre-coating)</li> <li>- Flush Hoop: thiết kế cải tiến, đơn giản hoá việc xả dây</li> <li>- Đầu dây dạng chữ J: 3 mm.</li> <li>- Kích cỡ 0.035" dài 150cm và 260cm.</li> <li>Đạt tiêu chuẩn FDA.</li> </ul>	cái	600
33	Dây điện cực có bóng dùng cho máy tạo nhịp tạm thời, 5F	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dây điện cực tạo nhịp tạm thời có bóng, tự tạo hình, mềm ở nhiệt độ cơ thể. Nhóm nước sản xuất: G7</li> </ul>	Dây	120

34	Dây nối áp lực cao loại PU dài 30cm, 50cm, 100cm, 120cm, 150cm	Dây nối áp lực cao 1200psi, vật liệu PU cao cấp có bền xoắn, độ dài từ 156cm đến 250cm. Adaptor xoay được, dây trong suốt, dễ quan sát bằng mắt thường. Đường kính trong: 1 - 5 mm. Đầu nối hình côn (Luer) phù hợp Tiêu chuẩn ISO / FDA.	cái	500
35	Dây nối áp lực cao, dài 30cm	Chất liệu polyurethane. - Chịu được áp lực đến 1200 psi (84 BAR) - Dài 30cm	cái	600
36	Dây nối chụp buồng thất, dài 120cm	Chất liệu polyurethane. - Chịu được áp lực đến 1200 psi (84 BAR) - Dài 120cm	cái	50
37	Dây nối tẩm điện cực trung tính sử dụng nhiều lần	Dây nối tẩm điện cực trung tính, dây dài 4,6m, có công kết nối tính năng sử dụng tính năng REM Tương thích với các hệ thống dao mổ điện. Tương thích với Máy đốt điện cao tần Valley có tại bệnh viện. Nhóm nước sản xuất: Châu Âu	Cái	1
38	Điện cực đo điện tim	Điện cực ướt. Kích thước đường kính: 50mm hoặc tương đương. Về mặt tiếp xúc dạng gel AQUA-wet, dẫn điện nhanh, chất lượng cao. Cắm biển: Bạc/Bạc Clorua (Ag/AgCl). Nhóm nước sản xuất: EU	Miếng	6,000
39	Dụng cụ bắt dị vật 1 vòng chất liệu Nitinol được phủ vàng, kích thước vòng bắt từ 20, 30 và 35mm.	Thiết kế 1 vòng để gia tăng khả năng bắt dị vật. - Vòng Snare được phủ vàng trên nền Nitinol làm gia tăng khả năng cản quang, vật liệu Nitinol nhớ hình và đàn hồi tốt tránh tổn thương mạch máu nhiều nhất. - Vòng Snare được thiết kế 90° giúp bắt dị vật chính xác - Có dải band marker cản quang giúp xác định thiết bị một cách chính xác - Có thể dùng với catheter 6F - Kích cỡ của vòng từ 20, 30 và 35 mm (tuỳ mã sản phẩm) - Chiều dài: 48 cm, 100 cm - Chiều dài của snare: 120 cm - Hạn dùng 3 năm. Đạt tiêu chuẩn FDA.	cái	5

40	Dụng cụ bắt dị vật 3 vòng chất liệu nhớ hình kích thước tiêu chuẩn từ 6 đến 45mm	<p>Dụng cụ bắt dị vật kích thước lớn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ba dây cáp bằng Nitinol xoắn lại với nhau</li> <li>- Có một dải Platinum liên kết chặt với các loop để tăng tính nhận biết</li> <li>- Dây Nitinol siêu đàn hồi có đặc tính là mềm dẻo, có độ chịu xoắn tốt, và độ xoắn được kiểm soát 1:1.</li> <li>- Có dải cân quang giúp xác định thiết bị một cách chính xác.</li> <li>- Kích thước làm việc: 6-10mm, 9-15mm, 12-20mm, 18-30mm, 27-45mm</li> <li>- Chiều dài catheter: 100cm</li> <li>- Chiều dài của snare: 120 cm</li> </ul>	cái	5
41	Dụng cụ Flush áp lực 3ml/giờ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu male rotate</li> <li>- Khóa vận OFF, áp lực 250 psi</li> <li>- Tốc độ 3ml/h.</li> </ul>	cái	100
42	Dụng cụ mở đường vào động mạch có van cầm máu kiểu Cross-cut, dài 25cm	<p>Cấu tạo gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mini plastic guide wire cỡ 0.035" hoặc 0.038", dài 80cm</li> <li>- Introducer sheath</li> <li>- Dilator (que nong)</li> </ul> <p>Đặc điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Van cầm máu kiểu "Cross-Cut"</li> <li>- Kích thước: cỡ 5F, 6F, 7F dài 25cm</li> <li>- Vật liệu: Dilator chất liệu Polypropylene; Sheath làm bằng ETFE</li> </ul>	cái	50
43	Dụng cụ mở đường vào động mạch, dài 7cm - 10cm	<p>Cấu tạo gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kim chọc mạch cỡ 18G hoặc 20G</li> <li>- Mini plastic guide wire cỡ 0.025", 0.035", dài 45cm</li> <li>- Bơm tiêm 2.5ml</li> <li>- Introducer sheath</li> <li>- Dilator (que nong)</li> </ul> <p>Đặc điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Van cầm máu kiểu "Cross-Cut"</li> <li>- Kích thước: cỡ 4F, 5F, 6F, 7F, 8F, dài 7cm, 10cm</li> <li>- Vật liệu: Dilator chất liệu Polypropylene; Sheath làm bằng ETFE</li> </ul>	cái	600
44	Dụng cụ siêu âm lòng mạch	Bộ dụng cụ siêu âm lòng mạch vành phù hợp với máy siêu âm nội lòng mạch vành hiện có tại bệnh viện	bộ	10

45	Găng phẫu thuật loại dùng cho phòng mổ	Powder free	đôi	1,500
46	Giá đỡ (Stent) can thiệp mạch vành phủ thuốc Sirolimus	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Phủ thuốc Sirolimus và polymer tự tiêu.</li> <li>* Khung bằng Cobalt Chromium L605, độ dày <math>\geq 80\mu\text{m}</math></li> <li>* Có độ nở vượt định mức <math>\geq 6.25\text{mm}</math></li> <li>* Kích thước: Đường kính: 2.0 - 4.5 mm; Chiều dài: 9 - 50 mm.</li> <li>* Xuất xứ các nước G7 hoặc Châu Âu.</li> <li>* Đạt tiêu chuẩn FDA( Mỹ) hoặc CE ( Châu Âu).</li> </ul>	cái	70
47	Giá đỡ (Stent) can thiệp mạch vành phủ thuốc Zotarolimus	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Chất liệu Cobalt Chromium , lõi trong bằng chất liệu Platium Irridium.</li> <li>* Phủ thuốc Zotarolimus.</li> <li>* Độ dày thanh chống ( Strut &lt; 100 <math>\mu\text{m}</math>).</li> <li>* Kích thước: Đường kính 2.0-5.0 mm; chiều dài từ 8 - 38 mm.</li> <li>* Khả năng giãn nở vượt trội. Đường kính stent 2.0 - 2.5 mm có thể nong mở rộng tối đa đến 3.5 mm; stent 2.75 - 3.0 mm có thể nong mở rộng tối đa đến 3.5 mm; stent 2.0 - 2.5 mm có thể nong mở rộng tối đa đến 3.5 mm; stent 3.5 - 4.0 mm có thể nong mở rộng tối đa đến 5.0 mm; stent <math>\geq 4.0</math> mm có thể nong mở rộng tối đa đến 6.0 mm.</li> <li>Thích hợp cho các tổn thương có sự chênh lệch đầu gần, đầu xa.</li> <li>* Xuất xứ các nước G7 hoặc Châu Âu.</li> <li>* Đạt tiêu chuẩn FDA (Mỹ).</li> </ul>	cái	70
48	Giá đỡ (Stent) mạch vành phủ thuốc Sirolimus	<p>Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus, liều lượng <math>1.4 \mu\text{g}/\text{mm}^2</math></p> <p>Thuốc được giải phóng hoàn toàn sau 100 ngày</p> <p>Polymer tự tiêu sinh học PLGA 85/15, độ dày lớp phủ: 3-5 <math>\mu\text{m}</math></p> <p>Vật liệu Cobalt Chromium L605</p> <p>Độ dày thanh chống: 65<math>\mu\text{m}</math></p> <p>Đường kính: 2.00 - 5.00 mm</p> <p>Chiều dài: 8 - 48 mm.</p> <p>Chiều dài ống thông: 142 cm</p> <p>Chiều dài lòng ống dây dẫn: 27 cm</p> <p>Bóng làm bằng vật liệu Polyamide bán đáp ứng, thân xa đa lớp</p> <p>Biên dạng băng qua sang thương <math>\leq 0.02''</math></p> <p>Áp suất danh định 8 bar, áp suất tối hạn tối đa 19 bar</p>	cái	20

49	Giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Sirolimus	<p>Stent phủ thuốc Sirolimus, chất liệu CoCr L605.  Polymer biostable fluorinated acrylate dạng 3 lớp  Hàm lượng thuốc: = 1.4 µg/mm<sup>2</sup>.  Đường kính từ 2.0mm đến 4.5mm, chiều dài từ 9mm đến 39mm, 44mm, 49mm.  Bề dày thanh giá đỡ: 75µm - 85µm.  độ giãn nở vượt định mức &gt;=6mm  Có lớp phủ ưa nước.  Chất liệu bóng của stent: Nylon và Pebax.  Điểm đánh dấu cân quang: hai điểm, bằng Platinum Iridium.  Tiêu chuẩn ISO, CE</p>	cái	80
50	Giá đỡ mạch vành chất liệu CoCr phủ thuốc Sirolimus	<p>_ Stent mạch vành chất liệu CoCr phủ thuốc Sirolimus liều lượng 1.4µg/mm<sup>2</sup>, Thành stent mỏng 60 µm trên tất cả các kích cỡ.  _ Đường kính : 2.0 - 4.5mm , chiều dài : 8- 48mm.NP : 10 atm, RBP : 16 atm  _ Có thể ngưng thuốc kháng tập kết tiểu cầu kép sau 1 tháng được chứng minh bằng nghiên cứu ngẫu nhiên có đối chứng (RCT).  _ Sản xuất tại nước thuộc khu vực Châu Âu.</p>	cái	80
51	Giá đỡ mạch vành phủ thuốc Everolimus	<p>* Chất liệu Cobalt -Chromium .  * Phủ thuốc Everolimus ; Có lớp phủ lớp Polymer vĩnh viễn.  * Độ dày khung giá đỡ ≤ 85 µm, .  * Kích thước : đường kính 2.0 - 4.0 mm, chiều dài từ 8 - 38 mm.  * Khả năng giãn nở vượt trội. Đường kính stent ≥ 3.5 mm có thể nong mở rộng tối đa đến 5.5 mm. Thích hợp cho các tổn thương có sự chênh lệch đầu gần, đầu xa.  * Xuất xứ các nước G7 hoặc Châu Âu.  * Đạt tiêu chuẩn FDA( Mỹ)</p>	cái	70
52	Giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus	<p>Chất liệu: Cobalt Chromium L605  Độ dày khung Stent: 60-70 µm  Đường kính Stent: 2.0 - 4.5 mm,  Chiều dài Stent: 8 - 48mm  Phủ thuốc: Sirolimus  Hàm lượng thuốc: 1.23-1.28 µg/mm<sup>2</sup>  Áp lực: 9-16 atm  Bóng: Phần nhô ra &lt; 0.5 mm, Độ dài vai bóng ngắn  Mắt cáo: Dạng Hybrid mắt đóng mắt mở.  Cơ chế bóng Stent :Bung từ giữa thân Stent.</p>	cái	20

53	Giá đỡ mạch vành phủ thuốc Zotarolimus Resolute Integrity	<p>1. Chất liệu: hợp kim Cobalt , phủ thuốc Zotarolimus. Lớp phủ Polymer.</p> <p>2. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính 2.25 - 4.0mm, dài 8 - 38mm.</li> <li>- Độ dày stent: <math>\leq 91\mu</math></li> <li>- Áp lực thường: 9atm, áp lực vỡ bóng: <math>\geq 16\text{atm}</math> (2.25-3.5mm) và <math>\geq 15\text{atm}</math> (4.0mm)</li> </ul> <p>3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE ( Châu Âu) hoặc (FDA Mỹ)</p>	Cái	60
54	Giá đỡ nong mạch vành tẩm thuốc Sirolimus	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Cobalt Chromium với lớp phủ kép</li> <li>- Phủ thuốc: Sirolimus. Mật độ: <math>1.4\mu\text{g}/\text{mm}^2</math></li> <li>- Loại Polymer: Tự tiêu</li> <li>- Độ dày khung Stent: <math>60\mu\text{m}</math> (0.0024 inch) - Chiều dài từ: 9mm đến: 40mm</li> <li>- Đường kính từ: 2.25mm đến: 4.0mm</li> <li>- Chứng nhận ISO/ CE / FDA</li> </ul>	cái	50
55	Introducer 6F hoặc tương đương	bằng nhựa, tiệt trùng bằng etylen oxit 6F Nhóm nước sản xuất: Châu Á	Bộ	70
56	Khóa 3 ngã, vật liệu Polycarbonate (chịu áp lực 200 -1050 PSI, đường kính trong 0.12"	<p>Chất liệu Poly Carbonate. Đường kính trong 0.12" (2.5 mm)</p> <p>có 3 ngã phù hợp với các mục đích sử dụng khác nhau.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chịu áp lực từ 200-1050 PSI.</li> <li>- Hạn sử dụng 3 năm</li> </ul>	cái	100
57	Kim chọc dò các loại, các cỡ kim động mạch đùi	kim kích cỡ 18G-20G 1.3X 70MM	cái	100
58	Kim luồn không cánh 20G	<p>Được làm từ nhựa y tế nên thành ống (catheter) mỏng và đủ độ cứng cũng như độ đàn hồi giúp ôm chặt vào kim thép không rỉ.</p> <p>Mũi kim thiết kế được cắt vát, sắc nhọn, giảm thiểu đau.</p> <p>Chuôi kim trong suốt dễ dàng quan sát thấy máu chảy ra.</p> <p>Có tấm vi lọc ở đốc kim.</p> <p>Có sẵn nắp dạng xoay để nắp kín vào catheter sau khi rút kim thép ra.</p> <p>Có đầu bảo vệ an toàn bịt mũi kim thép sau khi rút kim ra khỏi nòng catheter.</p> <p>Kim luồn có cánh thuận tiện để cố định kim.</p> <p>đạt tiêu chuẩn: ISO, CE, WHO – GMP</p> <p>Tiệt trùng bằng khí EO, không độc, không gây sốt.</p> <p>Size: 20G</p>	cái	1,000

59	Màng dán có phủ iodophur	Màng dán phẫu thuật kháng khuẩn có iodine. Kích thước 34 x 35 (10 miếng /hộp)	miếng	100
60	Máy tạo nhịp vĩnh viễn 1 buồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo nhịp tim 1 buồng, đáp ứng nhịp theo vận động</li> <li>- Cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T không giới hạn vùng chụp, có thể chụp ngay sau khi cấy máy.</li> <li>- Quản lý tạo nhịp thất, cho phép lập trình biên độ tạo nhịp <math>\geq 8v</math> hoặc tương đương</li> <li>- Lưu trữ điện tâm đồ trước cơn loạn nhịp <math>\geq 3</math> tháng</li> <li>- Tuổi thọ pin <math>\geq 14</math> năm</li> <li>- Dây điện cực dạng xoắn ( xoắn ra, thu vào), lưỡng cực</li> <li>- Chất liệu đầu xoắn: bạch kim hoặc tương đương</li> <li>- Dây điện cực tương thích MRI toàn thân <math>\geq 3T</math>; --Đạt chứng nhận ISO 13485:2016; Tiêu chuẩn FDA, hoặc chứng nhận CE theo luật định EU. Nhóm nước sản xuất: Asian</li> </ul>	Bộ	5
61	Máy tạo nhịp vĩnh viễn 2 buồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tạo nhịp tim 2 buồng, đáp ứng nhịp theo vận động</li> <li>- Cho phép chụp MRI toàn thân 1.5 và 3T, không giới hạn vùng chụp. Có thể chụp MRI ngay sau khi cấy máy.</li> <li>- Cho phép lập trình biên độ tạo nhịp <math>\geq 8v</math> hoặc tương đương</li> <li>- Lưu trữ điện tâm đồ trước cơn loạn nhịp <math>\geq 3</math> tháng</li> <li>- Tự động chuyển đổi chế độ tạo nhịp ưu tiên dẫn truyền tự nhiên, giảm tạo nhịp thất</li> <li>- Tính năng phòng ngừa ngất do nhịp tim rớt đột ngột</li> <li>- Chức năng gợi ý các thông số giúp lập trình máy thích hợp cho bệnh nhân</li> <li>- Tuổi thọ pin <math>\geq 14</math> năm</li> <li>- Dây điện cực dạng xoắn (xoắn ra, thu vào), lưỡng cực</li> <li>- Chất liệu đầu xoắn: bạch kim hoặc tương đương</li> <li>- Dây điện cực tương thích MRI toàn thân <math>\geq 3T</math>. Đạt chứng nhận ISO 13485:2016; Tiêu chuẩn FDA, hoặc chứng nhận CE theo luật định EU. Nhóm nước sản xuất: Asian</li> </ul>	Bộ	35

62	Máy tạo nhịp vĩnh viễn 2 buồng	<p>Tạo nhịp tim 2 buồng, đáp ứng nhịp theo vận động</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho phép chụp MRI toàn thân không giới hạn vùng chụp</li> <li>- Cho phép lập trình biên độ tạo nhịp <math>\geq 8v</math> hoặc tương đương</li> <li>- Lưu trữ điện tâm đồ trước cơn loạn nhịp <math>\geq 3</math> tháng</li> <li>- Ưu tiên dẫn truyền tự nhiên, giảm tạo nhịp thất</li> <li>- Tính năng phòng ngừa ngất do nhịp tim rớt đột ngột</li> <li>- Thuật toán kích hoạt ATP tự động thực hiện liệu pháp điều trị ATP nếu không thành công trước đó hoặc chức năng tương đương</li> <li>- Chức năng gợi ý các thông số giúp lập trình máy thích hợp cho bệnh nhân</li> <li>- Tuổi thọ pin <math>\geq 14</math> năm</li> <li>- Dây điện cực dạng xoắn (xoắn ra, thu vào), lưỡng cực</li> <li>- Chất liệu đầu xoắn: bạch kim hoặc tương đương</li> <li>- Dây điện cực tương thích MRI toàn thân</li> <li>- Đạt chứng nhận ISO 13485:2016; Tiêu chuẩn FDA, hoặc chứng nhận CE theo luật định EU. Nhóm nước sản xuất: Asian</li> </ul>	Bộ	25
63	Miếng dán cố định kim luân IV	Băng phim trong vô trùng không thấm nước có thể được sử dụng để phủ và bảo vệ các catheter, các vết thương nhỏ và để bảo vệ các thiết bị trên da. Không sử dụng băng phim như là một phương pháp thay thế cho các phương pháp đóng vết thương.	miếng	500
64	Miếng điện cực	Miếng điện cực tự dính có gel dẫn điện, kết nối với cáp điện cực, kích thước 5x5cm (hình vuông) tương thích máy điện xung đa năng EM 6300	Cặp	100
65	Ống thông can thiệp động mạch vành các cỡ, các loại : EBU, RBU, IMA, SAL, SL, AL, JR..... guiding catheter các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu lõi là các sợi kim loại dệt được kết nang polymer. Lòng ống thông rộng 0.058" - 0.071" - 0.081". Có dạng cong đặc biệt EBU, có loại có lỗ bên. Có kích thước từ 5-8Fr, chiều dài 100cm và 90cm.</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO, FDA</li> </ul>	cái	100

66	<p>Ống thông can thiệp động mạch vành loại cứng, đầu cong dạng: AL, CLS, FL, JL, KL, LBU, QC, VL, ART, AR, FR, HS, JR, KR, MP, RC, WRP, Brachial, Kimny, MIM, Radial, IMC, IM, LCB, RCB, ML, FCL, FCR, ...</p>	<p>Ống thông can thiệp mạch vành loại cứng có sợi đan <math>\geq 2 \times 4</math>. Loại 6F có Lumen rộng 0.070". Đủ các dạng đầu cong</p>	cái	150
67	<p>Ống thông chẩn đoán mạch vành</p>	<p>Ống thông chẩn đoán mạch vành đa chức năng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Nylon Pebax giúp bề mặt dụng cụ nhẵn, trơn, bền ở nhiệt độ cơ thể, chống gãy gấp tốt, thành ống mỏng.</li> <li>- Có đường viền bên giúp thân ống thông giữ được hình dáng tốt, dễ lái.</li> <li>- Đầu tip cân quang tốt, khả năng nhớ hình tốt.</li> <li>- Loại có lỗ bên hoặc không có lỗ bên</li> <li>- Đủ các kích cỡ 4F, 5F dài 80cm, 100cm</li> <li>- Đường kính trong 0.042"/1.07mm loại 4F, 0.046"/1.17mm loại 5F</li> <li>- Dùng được với guide wire 0.038"</li> <li>- Chịu áp lực 1200 PSI.</li> </ul> <p>Đạt tiêu chuẩn FDA.</p>	cái	10
68	<p>Ống thông chẩn đoán mạch vành</p>	<p>Cấu tạo: 3 lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lớp trong và lớp ngoài là Nylon rich Polyurethan.</li> <li>- Lớp giữa là lớp đan kép bằng thép không gỉ (SUS)</li> <li>- Kích thước: đường kính 4Fr (lòng rộng 1.03mm) - 5Fr (lòng rộng 1.20mm), dạng JR, JL, AL... Chiều dài 100cm.</li> <li>- Thành ống mỏng cho đường kính trong rộng. Tương thích guidewire 0.038". Giới hạn áp lực 4Fr: 750psi, 5Fr: 1000psi.</li> </ul>	cái	800

69	Ống thông chẩn đoán mạch vành các loại JL, JR, AL, AR	<p>Ống thông chẩn đoán mạch vành</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Nylon Pebax giúp bề mặt dụng cụ nhẵn, trơn, bền ở nhiệt độ cơ thể, thành ống mỏng.</li> <li>- Loại wire -braided có thân bằng chất liệu thép không gỉ bên giúp thân ống thông giữ được hình dáng tốt, dễ lái</li> <li>- Đầu tip cân quang và có khả năng nhớ hình tốt</li> <li>- Có các loại JL, JR, AL, AR</li> <li>- Đủ các kích cỡ 4F, 5F dài 100cm</li> <li>- Đường kính trong 0.042"/1.07mm loại 4F, 0.046"/1.17mm loại 5F</li> <li>- Dùng được với guide wire 0.038"</li> <li>- Chịu áp lực dòng chảy cao 1,200 psi/ 81.6 bar</li> </ul> <p>Hạn dùng 3 năm Đạt tiêu chuẩn FDA.</p>	cái	800
70	Ống thông chẩn đoán mạch vành loại đuôi heo	<p>Ống thông chẩn đoán mạch vành dạng đuôi heo</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Nylon Pebax nhẵn, trơn, bền ở nhiệt độ cơ thể, thành ống mỏng.</li> <li>- Có đường viền bên giúp thân ống thông giữ được hình dáng tốt, dễ lái,</li> <li>- Đầu tip cân quang tốt, khả năng nhớ hình tốt.</li> <li>- Đủ các kích cỡ 4F, 5F dài 80cm, 90cm, 110cm</li> <li>- Có các kiểu đầu: pigtail thẳng hoặc pigtail cong 145° (tùy mã sản phẩm)</li> <li>- Dùng được với guide wire 0.038"</li> <li>- Chịu áp lực 1200 PSI (81.6 Bar)</li> </ul> <p>Đạt tiêu chuẩn FDA.</p>	cái	40
71	Ống thông chụp chẩn đoán qua mạch quay đa năng trái phải	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo: thiết kế theo công nghệ sợi bên kép (double-wire braiding tech), đoạn đầu xa không bên, tiếp theo là đoạn được bên dày và bên thưa hơn ở đoạn gần.</li> <li>- Vật liệu thành ống: các loại Polyamide khác nhau trong cấu trúc ống 2 lớp</li> <li>- Hình dạng đầu cho can thiệp qua đường quay</li> <li>- Thành ống mỏng, lòng ống rộng cho tốc độ dòng chảy tối đa 23mL/ giây (cỡ 5Fr). Áp lực tối đa 1,200 psi (8.247kPa)</li> <li>- Tương thích guidewire 0.038"</li> <li>- Đường kính 5Fr (lòng rộng 1.20mm), chiều dài 100cm - 120cm.</li> </ul>	cái	400
72	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Dùng để hỗ trợ đưa các dụng cụ can thiệp mạch vành đến các tổn thương khó tiếp cận</li> <li>2. Dụng cụ gồm : một đầu tip, trục xa, trục bảo vệ gần được làm bằng dây thép</li> <li>3. Độ dài ống thông &gt;140cm, bao lớp thân nước, đường kính trong 1.33mm, độ dài trục đoạn xa &gt;20cm, đánh dấu tại vị trí 900mm và 1000mm so với đầu tip, phù hợp với ống thông can thiệp 6F</li> <li>4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE</li> </ol>	cái	20

73	Ổng thông trợ giúp can thiệp đầu mềm	<p>Cấu tạo: lớp trong bằng PTFE, ở giữa là lớp lưới thép không gỉ phẳng được bện cường độ cao, lớp vỏ ngoài mềm mại và có tính cản quang cao ở đoạn xa.</p> <p>Đặc điểm: kết cấu vật liệu nổi bật bao gồm 5 đến 6 vùng, mỗi vùng được làm từ các vật liệu có độ cứng khác nhau.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình dạng kiểu BL, JR, JL, MP, AL, Ikari</li> <li>- Kích thước: cỡ 5F có đường kính trong 0.059", cỡ 6F có đường kính trong 0.071", cỡ 7F có đường kính trong 0.081". Chiều dài 100cm.</li> </ul>	cái	500
74	Stent phủ (có màng bọc graft) dùng cho các mạch máu nhỏ từ 2.5-5.0mm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Covered stent có lớp màng bọc graft, được chỉ định cho phình, thủng cấp, rách hoặc rò động mạch. - Thiết kế khung stent CoCr (L605) được bọc bởi 1 lớp graft Micro-porous ePTFE dày 89±25µm. - Kích thước: đường kính 2.5-5.0 mm, dài 8-24 mm. Chiều dài catheter 143/153cm. Tương thích với ống thông 5F với tất cả các size. -Tiêu chuẩn CE</li> </ul>	cái	10
75	Tấm điện cực trung tính sử dụng một lần chất liệu PolyHesive, không dây, sử dụng kèm với dây nối sử dụng nhiều lần	<p>Miếng dán điện cực trung tính dùng cho người bệnh &gt;13,6 kg</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích bề mặt lớn 137cm<sup>2</sup></li> <li>- Bề mặt gel được làm bằng chất liệu polyhesive hydro có độ dày 0.155 cm</li> <li>- Viên bán cực được bao quanh bằng lớp keo acrylic, giúp tăng khả năng bám dính, tăng độ liên lạc và ngăn ngừa dịch lỏng tràn vào</li> <li>- Đáp ứng yêu cầu về an toàn nhiệt theo tiêu chuẩn IEC 60601-2 2:2006.</li> <li>- Không gây kích ứng và không gây mất cảm.</li> <li>- Tương thích với các hệ thống dao mổ điện.</li> <li>- Tương thích với máy cắt đốt Valleylab có tại bệnh viện.</li> <li>- Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) Nhóm nước sản xuất: Châu Âu</li> </ul>	Cái	600
76	Túi truyền áp lực		cái	20
77	Van cầm máu dạng chữ Y loại đóng mở bằng lò xo, và van kẹp chất liệu Polycarbonate	<p>Van cầm máu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, ISO, CE</li> <li>- Chất liệu Polycarbonate</li> <li>- Loại đóng mở bằng lò xo, có van kẹp. Có kèm insertion tool bằng kim loại và torque điều khiển dây dẫn 0.014"</li> <li>- Đường kính trong từ 0.096" (2.44 mm)</li> <li>- Hạn dùng 3 năm.</li> </ul>	cái	300

78	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch	<p>Dây dẫn đa lõi theo công nghệ (thiết kế vòng xoắn kép) tăng độ bền đầu tip, khả năng phản hồi momen xoắn và chống giật.</p> <p>Dây dẫn đơn lõi one-piece core.</p> <p>Tip load từ 0.3 - 12 gf hỗ trợ rất tốt cho các trường hợp can thiệp CTO.</p> <p>Lớp phủ: silicon, SLIP-COAT hoặc SLIP-COAT trên nền polymer.</p> <p>Đầu tip: straight, J, pre-shape.</p> <p>Chiều dài: 180, 190, 300 cm</p> <p>Chứng nhận chất lượng: ISO, CE.</p>	cái	20
79	Bộ máy tạo nhịp tim 1 buồng có đáp ứng tần số	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho phép chụp MRI 3 Tesla toàn thân không có vùng giới hạn.</li> <li>- Bảo hành máy <math>\geq 10</math> năm và bảo hành pin 100% trong <math>\geq 5</math> năm đầu và 50% trong 5 năm tiếp theo.</li> <li>- Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay . Có thể chụp MRI ngay sau khi cấy máy.</li> <li>- Hệ thống tạo nhịp cho phép đáp ứng tối đa với ngưỡng tạo nhịp với khả năng xác nhận dẫn tạo nhịp theo từng xung .</li> <li>- Hệ thống tạo nhịp tự động phát xung dự phòng 5V khi phát hiện mất dẫn, có thể lập trình cả đơn cực hoặc lưỡng cực.</li> <li>- Lưu điện tâm đồ bên trong buồng tim lên đến <math>\geq 15</math> phút. Nhóm nước sản xuất: Asian - Tiêu chuẩn: CE, FDA</li> </ul>	Bộ	5
80	Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng không đáp ứng tần số	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho phép chụp MRI 3 Tesla toàn thân không có vùng giới hạn.</li> <li>- Bảo hành máy <math>\geq 8</math> năm và bảo hành pin 100% trong <math>\geq 5</math> năm đầu</li> <li>- Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay .</li> <li>- Có thể chụp MRI ngay sau khi cấy máy.</li> <li>- Hệ thống tạo nhịp cho phép đáp ứng tối đa với ngưỡng tạo nhịp với khả năng xác nhận dẫn tạo nhịp theo từng xung .</li> <li>- Hệ thống tạo nhịp tự động phát xung dự phòng 5V khi phát hiện mất dẫn, có thể lập trình cả đơn cực hoặc lưỡng cực.</li> <li>- Có cảnh báo loạn nhịp nhanh nhĩ có thể lập trình được.</li> <li>- Lưu điện tâm đồ bên trong buồng tim lên đến <math>\geq 15</math> phút. Nhóm nước sản xuất: Asian -Tiêu chuẩn: CE, FDA</li> </ul>	Bộ	25